TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH THẠNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 165/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 31-01-2019
V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc An
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Bùi Thị Cẩm Vân
2. Ông Lâm Hoàng Tuấn

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Lê Huy Khang, cán bộ Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ngọc - Kiểm sát viên

Ngày 31 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 937/2018/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2018, về tranh chấp: "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 581/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2019/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hồng G, sinh năm: 1975;
Địa chỉ: 357 đường X, Phường Y, quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.(Có đơn xin vắng mặt)

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1976;
Địa chỉ: 357 đường X, Phường Y, quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 07/5/2018 và các lời khai của ông Nguyễn Hồng G trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Ông Nguyễn Hồng G và bà Nguyễn Thị T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1993 đến nay, không có đăng ký kết hôn. Qúa trình chung sống có 02 con chung: Nguyễn Việt D, sinh ngày: 29/5/1995 và Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày: 06/9/1996, tất cả đã thành niên.

Vào năm 2016, giữa ông bà xảy ra nhiều mâu thuẫn, cuộc sống chung rất căng thẳng, ngột ngạt. Ông bà không còn sự quan tâm và chăm sóc lẫn nhau, tình cảm cũng phai nhạt dần. Sau thời gian dài ông cố gắng duy trì quan hệ gia đình vì các con, nay ông nhận thấy không thể tiếp tục kéo dài đời sống chung nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà T.

-Về con chung: Đã thành niên;

- Về tài sản chung: Ông trình bày tự thỏa thuận với bà T, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn là bà Nguyễn Thị T:

Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà T bao gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập đương sự, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và ghi nhận ý kiến về con chung, tài sản chung cũng như Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà T đều vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa,

Căn cứ vào đơn xin xét xử vắng mặt ngày 15 tháng 01 năm 2019 của nguyên đơn, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu như trên.

Bị đơn đã được niêm yết hợp lệ tham gia phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Được thể hiện đầy đủ trong bài phát biểu số: 21/PB-DS ngày 31/01/2019;

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng Dân sự; Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Đã tuân thủ quy định của pháp luật về tố tụng; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ, bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:*

Tranh chấp giữa ông Nguyễn Hồng G và bà Nguyễn Thị T là tranh chấp về: " Ly hôn" được qui định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại thời điểm thụ lý, bị đơn là bà Nguyễn Thị T có nơi cư trú tại quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về thủ tục tố tụng:*

Ngày 15 tháng 01 năm 2019 nguyên đơn là ông Nguyễn Hồng G có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào điểm a Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo quy định của pháp luật.

Bị đơn là bà Nguyễn Thị T đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng về việc tham gia phiên tòa ngày 14/01/2019 và 31/01/2019 vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ vào điểm b Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo quy định của pháp luật.

[3] *Về yêu cầu của đương sự:*

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời trình bày của ông G thì quan hệ giữa ông và bà T là quan hệ Hôn nhân và gia đình được qui định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Ông G và bà T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1993, tuy nhiên ông bà đã không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình quy định về giải quyết hậu quả của việc nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn như sau:

"Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng..."

Do đó, ông G có đơn yêu cầu xin ly hôn với bà T, Hội đồng xét xử xét yêu cầu này là chính đáng phù hợp với Khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình nên có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Nguyễn Việt D, sinh ngày: 29/5/1995 và Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày: 06/9/1996, tất cả đã thành niên.

Về tài sản chung: Ông G trình bày tự thỏa thuận với bà T, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về phía bị đơn là bà Nguyễn Thị T vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án mà không có lý do hay có văn bản trình bày ý kiến đối với việc khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, bị đơn đã từ bỏ quyền tranh tụng tại Tòa án để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình, Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét cho quyền lợi của bị đơn.

[4] *Về án phí*

Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 28; Điều 35, Điều 39; Điều 146; Điều 147; Điều 203; Điều 227; Điều 271; Điều 273; Điều 278; Điều 280 của Bộ Luật Tố Tụng dân sự;
- Căn cứ vào Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ vào Luật thi hành án dân sự;
- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Hồng G và bà Nguyễn Thị T.

Về con chung: Ông G và bà T có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Việt D, sinh ngày: 29/5/1995 và Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày: 06/9/1996, tất cả đã thành niên.

Về tài sản chung: Ghi nhận lời trình bày của ông G tự thỏa thuận với bà T về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn), ông G phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông G đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn) theo biên lai thu số: AA/2017/0004620 ngày 25/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh; Ông G đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- TAND TP. HCM;
- VKSND Q. Bình Thạnh;
- Chi cục THADS Q. Bình Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu hs, vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc An